

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 9 – WORLD RECORDS

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No	New words	Meaning	No	New words	Meaning
1*	record (n) /rəkɔːrd/	(thể dục, thể thao) thành tích/ kỷ lục	18	place (n) /pleɪs/	thứ bậc/ hạng
2	ancient (a) /eɪnˈsɛnt/	cũ xưa/ cũ	19	vat (n) /væt/	thùng to/ bể/ chum
3*	The Olympics (n) /ðə ə, ɒlɪmpɪk/	= The Olympic Games: Thể vận hội Olympic	20*	olive oil (n) /əˈlɪv ɔɪl/	dầu ô liu
4*	origin (n) /ɔːrɪdʒɪn/	nguồn gốc/ cội rễ	21	extend (v) /ɪk'stend/	gia hạn
5*	pentathlon (n) /pen'tæθlən/	cuộc thi năm môn phối hợp	22*	ceremony (n) /ˈserəmənɪ/	buổi lễ/ lễ
6	champion (n) /tʃæmpɪən/	quán quân	23	javelin (n) /dʒævɪln/	cái lao
7	track (n) /træk/	đường đua	24	wrestle (v) /rɪsle/	đánh vật (trong thể thao)
8*	similarity (n) /sɪmə'lærəti/	sự giống nhau	25*	chariot race (n) /tʃærɪət reɪs/	đua xe ngựa
9	difference (n) /dɪfrəns/	sự khác nhau	26	crown (v) /kraʊn/	trao vương miện
10*	competitor (n) /kəm'petɪtər/	đối thủ	27	wreath (n) /riːθ/	vòng hoa
11*	spectator (n) /'spektətər/	khán giả	28	feast (n) /fiːst/	yêu tiệc
12	sprint (n) /spriːnt/	chạy nước rút	29*	The Paralympics (n) /ðə ,pærə'lɪmpɪks/	Thể vận hội giành cho người khuyết tật
13	athlete (n) /æθlɪ:t/	vận động viên	30*	in tear /ter/	= crying : òa khóc
14	compete (v) /kəm'pi:t/	tranh đua/ cạnh tranh	31*	inspire /ɪn'spaɪər/	truyền/ mang đến cảm hứng
15	gymnasium (n) /dʒɪm'neɪzɪəm/	phòng tập thể dục	32*	inspiration (n) /ɪnspɪ'reɪʃn/	người truyền cảm hứng

16	medal (n) /'medl/	<i>huy chương</i>	33	disabled (a) /dɪs'ebld/	<i>khuyết tật</i>
17*	fiber = fibre (n) /'faibər/	<i>sợi/ chất xơ</i>	34	disability (n) /dɪsə'bɪləti/	<i>sự ốm yếu tàn tật</i>

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Choose the correct answer by circling A, B, or C

0. *Don’t turn off the light. Mary is _____ of the dark.*

A. frightened B. obstinate C. narrative

1. People with a learning _____ tend to take longer to learn and may need support to develop new skills.

A. feature B. disability C. dab

2. The 2012 Summer _____ were an international multi-sport (*đa thể thao*) event held from 27 July to 12 August 2012 in London.

A. Olympics B. inspirations C. inspire

3. The women were busy preparing the wedding _____.

A. medal B. disability C. feast

4. We conducted a study of the _____ and differences between the two countries.

A. similarities B. similar C. different

5. This custom _____ is a great gift for mom, dad, sister, brother, friend or your partner.

A. medals B. medal C. fiber

II. Match the words given in the box with their definitions

0. affection	a. a <i>feeling of liking for a person or a place.</i>
1. sprint	b. a position among the winners of a race or competition; a position in the next stage of a competition
2. track	c. a person or thing that is the reason why somebody creates or does something
3. place	d. to run or swim a short distance very fast
4. inspiration	e. a public or religious occasion that includes a series of formal or traditional actions
5. ceremony	f. a piece of ground with a special surface for people, cars, etc. to have races or to drive on

0 - a	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
-------	-----	-----	-----	-----	-----

III. Unscramble the words in each sentence.

0. *taken / with / Her time / fully / is / up / writing / .*

→ **Her time is fully taken up with writing.**

1. *grape / The / to / juice / vat. / fermentation (lên men) / is / then transferred / a*

→ _____

2. *the actors / schools, / hope to / children / to / their/ put on / By visiting / inspire / own productions.*

→ _____

3. *extend / your car. / Careful / can / maintenance / the life / of*

→ _____

4. *tried / wrestle / to / her / She / with / attacker.*

→ _____

5. *England. / The / King / prince / to be / was / soon / crowned / of*

→ _____

IV. Choose new words in Vocabulary part and make sentences

0. _____ *They were champions at the winter Olympics* _____ .

1. _____ .

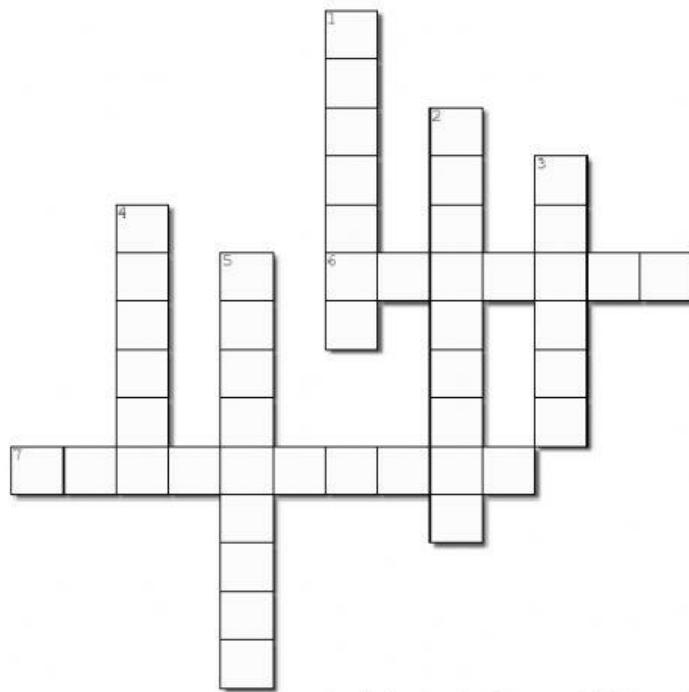
2. _____ .

3. _____ .

4. _____ .

5. _____ .

V. Complete the crossword puzzle below



Created using the Crossword Maker on TheTeachersCorner.net

Across

6. belonging to a period of history that is thousands of years in the past

7. a sporting event in which people compete in five different sports (running, riding, swimming, shooting and fencing)

Down

1. = crying

2. a person who is watching an event, especially a sports event

3. an arrangement of flowers and leaves, especially in the shape of a circle, placed on graves, etc. as a sign of respect for so

4. /'ɔ:ridʒɪn/

5. = a gym

PET TRAINER TEST 5 – PART 1

Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/QECyQBSOwyU>

(từ 0:25 đến 10:10)

Test 5

Listening Part 1

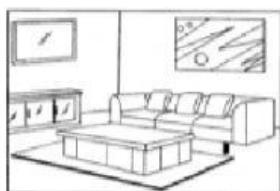


Questions 1-7

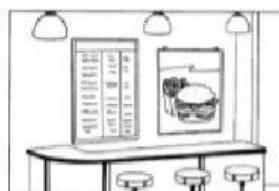
50

For each question, choose the correct answer.

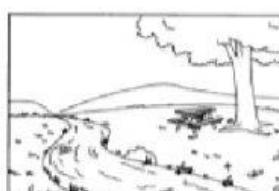
1 Where is the boy's family going to eat?



A



B



C

2 Which lesson does the girl have next?



A



B



C

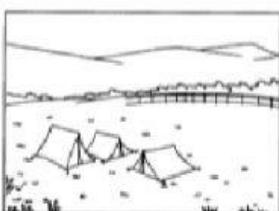
3 Where has the boy just been on holiday?



A



B



C

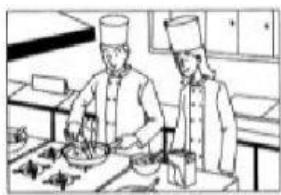
4 Which work experience would the girl like to try?



A



B

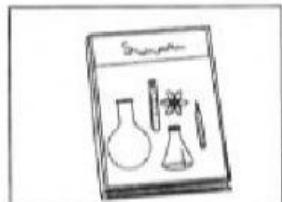


C

5 What did the boy leave at his friend's house?



A



B

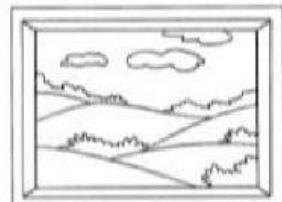


C

6 Which painting did the girl like best?



A

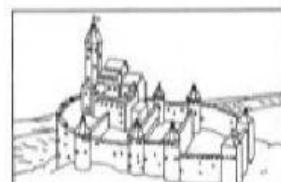


B



C

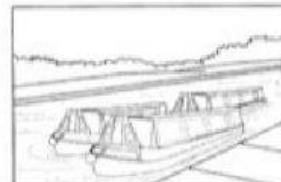
7 Where will the students' tour of the town end?



A



B



C